

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 376/2022/HS-PT

Ngày: 21/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Sỹ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Hưng

Ông Võ Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 265/2022/TLPT-HS ngày 18 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Liêu Văn H. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Liêu Văn H**, sinh năm 1966, tại Bến Tre.

Hộ khẩu thường trú: ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Liêu B (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1940; Vợ Huỳnh Thị L (đã chết) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1998. Hiện đang chung sống như vợ chồng với bà Võ Thị L1, sinh năm 1972.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T từ ngày 16/9/2020 đến ngày 25/12/2020 thay thế bằng biện pháp bảo lãnh.

- Bị hại: Bà **Liêu Ngọc H1**, sinh năm 1977.

HKTT: số 028, ấp Tân Diễm, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: số 1107/216, đường D, phường 5, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Liêu Văn H và Liêu Ngọc H1 có mối quan hệ là anh em ruột. Do có mâu thuẫn trong quá trình chăm sóc mẹ ruột là bà Nguyễn Thị X nên giữa H và H1 xảy ra cự cãi, xô xát, buổi chiều ngày 01/4/2020, tại nhà bà X, ngụ ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, H bị H1 đánh vào vùng mặt gây thương tích.

Quá trình điều tra, Liêu Văn H khai nhận do bức tức vì bị Liêu Ngọc H1 đánh, khoảng 09 giờ ngày 04/4/2020, Liêu Văn H điện thoại cho Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn T (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) kể lại sự việc bị H1 đánh và nhờ D, T đi lên huyện T, tỉnh Đồng Nai, để giúp sức đánh H1 thì được D, T đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô đến Bến xe T để đón D, Thanh rồi chạy vào nhà bà Nguyễn Thị X, để tìm đánh H1. Khi đến nơi, H nhặt 01 cây tre làm hung khí và cùng D, T đi vào nhà từ cửa bên hông. Đến khu vực bếp, H thấy bà Nguyễn Thị Thu T1 (bạn H1) đang nấu ăn liền dùng cây tre đánh một cái vào vai trái của bà T1, bà T1 la lên rồi bỏ chạy xuống phía sau chuồng gà. Lúc này, H1 nghe tiếng bà T1 liền đi xuống bếp thì bị H dùng một cục đá tổ ong màu đen kích thước 15x10x7cm đánh liên tiếp vào vùng mặt của H1 làm H1 té ngã xuống đồng đá ngay chuồng gà. Sau đó, H cùng D, T bỏ đi còn bà H1 được gia đình đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực Đ.

Vật chứng thu giữ: Đồ vật thu giữ tại hiện trường: 01 tuýp sắt tròn dài 50cm, 01 con dao thái lan dài 55cm, cán gỗ dài 25cm, lưỡi dao bằng sắt dài 30cm; 01 viên đá tổ ong màu đen kích thước 15x10x7cm; nhiều mảnh nhựa bê ka bể vỡ không xác định.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 0272/TgT/2020 ngày 21/4/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai xác định Liêu Ngọc H1 bị tổn thương vỡ thành trước, trên xoang hàm phải; tổn thương mất răng 1.1, 2.1; vết thương vành tai trái kích thước 03x0,2cm; vết thương sau tai trái kích thước 02x0,2cm; vết thương trán phải kích thước 2,5x0,2cm; vết thương mép môi dưới trái kích thước 02x0,2cm; vết thương đầu trên cẳng chân trái (gối trái) kích thước 1,5x0,2cm; vết thương sau tai phải kích thước 1,5x0,2cm; vết thương trán trái kích thước 06x0,2cm; vết thương gò má phải hình tròn không khép kín kích thước 06x0,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Liêu Ngọc H1 là 30%. Vật gây thương tích là vật tày.

Cáo trạng số 76/CT-VKSTP-ĐN ngày 11/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, đã truy tố bị cáo Liêu Văn H về tội “ Cố ý gây thương tích ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Liêu Ngọc H1 yêu cầu Liêu Văn H phải bồi thường số tiền 99.248.285 đồng, trong đó chi phí có hóa đơn là 6.248.285 đồng, chi phí không có hóa đơn 93.000.000 đồng. Hiện bị cáo H chưa bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại H1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 30/5/2022; Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 59/2022/TB-TA ngày 14/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai, đã căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 590 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Xử phạt bị cáo Liêu Văn H 03 (Ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Liêu Văn H phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại bà Liêu Ngọc H1 số tiền 66.048.000đ (Sáu mươi sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 07 tháng 6 năm 2022, bị cáo Liêu Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo và xem xét lại phần bồi thường thiệt hại, không chấp nhận về 60 ngày công chờ tái khám và 20 tháng lương về tổn thất tinh thần.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Mức án cấp sơ thẩm xử là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo về hình phạt. Đối với phần bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại, cấp sơ thẩm đã xem xét các chi phí hợp lý, tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 66.048.000 đồng là phù hợp, có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, cáo trạng và bản án sơ thẩm mô tả. Chỉ vì mâu thuẫn trong sinh hoạt gia đình, bị cáo đã có hành vi rủ rê thêm hai đối tượng dùng một cây tre và 01 viên đá tổ ong đánh

hiều cái vào vùng mặt của chính em ruột của mình là bị hại Liêu Thị H gây thương tích với tỷ lệ 30%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo sử dụng một cây tre và viên đá tổ ong là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, nên bị Tòa án nhân dân huyện T xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt: Trong suốt quá trình điều tra, bị cáo khai báo quanh co về hai đối tượng đi cùng, gây khó khăn cho Cơ quan điều tra, không thể hiện tính ăn năn, hối cải. Do đó, cấp sơ thẩm không áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thái độ khai báo của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh gia đình của bị cáo nên đã áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để tuyên phạt bị cáo mức án 03 năm tù là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cấp sơ thẩm xem xét các khoản tiền chi phí hợp lý như: Tiền chi phí điều trị có hóa đơn; Tiền thuê phương tiện đưa người bị hại đi cấp cứu; Tiền ăn uống bồi dưỡng phục hồi sức khỏe; Tiền thu nhập thực tế của người bị thiệt hại mất; Tiền thu nhập thực tế và chi phí hợp lý cho người chăm sóc người bị thiệt hại; Tiền xe đi lại của người chăm sóc người bị thiệt hại; Tiền tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm hại. Tổng cộng là 66.048.285đ (làm tròn: 66.048.000đ) (Sáu mươi sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 590 Bộ luật dân sự.

[4] Về kháng cáo: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại phần trách nhiệm dân sự, nhưng không cung cấp được các tình tiết, chứng cứ nào mới, để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở xem xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Liêu Văn H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2022/HS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

-Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, khoản 2 Điều 51, các điều 38, 46, 47, 48, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08-7-2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Liêu Văn H 03 (Ba) năm tù, về tội “ Cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án (được trừ đi thời gian đã bị tạm giam từ ngày 16/9/2020 đến ngày 25/12/2020).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Liêu Văn H phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại bà Liêu Ngọc H1 số tiền 66.048.000đ (Sáu mươi sáu triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

3. Về án phí: Bị cáo Liêu Văn H phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1);
- TAND H.T (1);
- VKSND T.Đồng Nai(1);
- VKSND H.T (1);
- CQ THAHSCA H.T (1);
- CQCSĐT CA H.T (1);
- CC THADS H.T (1);
- Phòng PV27- CA T.Đồng Nai (1);
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thanh Sỹ